

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 – HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 25 – 3 – 2026

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Minh.

Bà Hoàng Thị Thu Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 17/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2026 về việc “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2026/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị H, sinh ngày 15/5/1988.

Nơi ĐKKHKT: Thôn B T, xã V, tỉnh Hà Tĩnh. Nơi ở hiện nay: Số nhà C, ngõ A, đường N, tổ A, phường P, Thành phố Hà Nội.

Căn cước công dân số: 04218801XXXX; cấp ngày 25/4/2022. Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn N, sinh ngày 11/7/1989.

Địa chỉ: Thôn H, xã T, thành phố Hải Phòng.

Căn cước công dân số: 03008901XXXX; cấp ngày 08/09/2022. Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phan Thị H trình bày:*

Chị và anh Hoàng Văn N tự do tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 01/3/2024 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương (nay là Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Hải Phòng). Sau khi kết hôn, anh chị cùng chung sống và làm việc ở Hà Nội, cuộc sống hôn nhân ban đầu vui vẻ hòa thuận. Đến khoảng tháng 10/2025, anh N về quê ở N để làm việc thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có tiếng nói chung, không hòa hợp được về tính cách, lối sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã, đời sống chung căng thẳng, không còn sự chia sẻ và tôn trọng lẫn nhau. Gia đình hai bên đã động viên hoà giải cho hai vợ chồng nhiều lần nhưng không có kết quả. Anh chị đã ly thân được khoảng 06 tháng nay, chị vẫn sinh sống ở Hà Nội còn anh N về quê ở N sinh sống và không quay lại Hà Nội, không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Chị nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng và không thể hàn gắn được nữa, tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung: Anh chị không có con chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, chị H đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

** Bị đơn anh Hoàng Văn N trình bày:*

Anh và chị Phan Thị H tự do tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 01/3/2024 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương (nay là Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Hải Phòng). Anh chị được gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới, anh chị cùng chung sống và làm việc ở Hà Nội. Vợ chồng sinh sống bình thường đến tháng 7/2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Anh chị có xảy ra cãi vã, anh về quê ở N làm việc, còn chị H vẫn ở lại Hà Nội sinh sống và làm việc, hai vợ chồng không liên lạc với nhau. Anh có đề nghị chị H về quê làm cùng anh, nhưng chị H không đồng ý. Mỗi người ở một nơi khiến cho tình cảm vợ chồng không còn. Đến nay anh đã hết tình cảm với chị H nhưng anh không đồng ý ly hôn vì vẫn còn muốn hàn gắn gia đình.

Về con chung: Anh chị không có con chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung là các máy móc, thuốc làm, vàng cưới của hai vợ chồng,... anh yêu cầu Tòa án chia đôi vì vợ chồng không thỏa thuận được. Về nợ chung: Anh chị không cho ai vay nợ, nhưng có nợ người quen hơn 80 triệu đồng. Anh sẽ nộp đơn và tài liệu chứng về việc chia tài sản cho Tòa án sau.

** Bà Nguyễn Thị S (là mẹ đẻ chị H) trình bày:* Bà là mẹ đẻ của chị Phan Thị H. Chị H và anh N có đăng ký kết hôn vào năm 2024. Sau khi kết hôn, anh chị chủ yếu sinh sống và làm việc ở Hà Nội. Ban đầu cuộc sống hôn nhân bình thường, đến cuối năm 2025 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn cụ thể như thế nào thì bà không nắm rõ nhưng bà có nghe chị H nói lại là vợ chồng anh chị không có tiếng nói chung, không thể hòa hợp về tính cách, lối sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã, không tôn trọng lẫn nhau. Hiện tại anh chị đã sống ly thân được khoảng 06 tháng nay, anh N đã về nhà bố mẹ đẻ của anh ở thôn H, xã T, thành phố Hải Phòng để sinh sống, còn chị H vẫn tiếp tục sinh sống và làm việc ở Hà Nội. Nay chị H đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh N, đề nghị Tòa án căn cứ nguyện vọng của anh chị và quy định pháp luật để giải quyết. Về con chung, anh chị không có con chung. Về tài sản chung và nợ chung, bà không nắm được.

** Tòa án xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị H, anh N đăng ký kết hôn thể hiện:* Anh N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương. Anh N và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi kết hôn, anh chị cùng chung sống tại Hà Nội nên địa phương không nắm rõ mâu thuẫn hôn nhân giữa hai anh chị. Hiện tại anh N về nhà bố mẹ đẻ tại thôn H sinh sống, chị H vẫn sinh sống tại Hà Nội, mỗi người ở một nơi. Nay chị H có đơn xin ly hôn với anh N, đề nghị Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của anh chị và quy định pháp luật để giải quyết. Về con chung, anh chị không có con chung. Về tài sản chung và nợ chung, địa phương không nắm được.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật án phí, lệ

phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị H. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phan Thị H được ly hôn với anh Hoàng Văn N. Về con chung: không có, không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung: Không đề nghị giải quyết. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị Phan Thị H khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh Hoàng Văn N. Bị đơn anh Hoàng Văn N có nơi đăng ký thường trú và hiện đang sinh sống tại thôn H, xã T, thành phố Hải Phòng. Do vậy, Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh N và tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa lần thứ hai chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh N vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị H và anh Hoàng Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương (nay là Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Hải Phòng) vào ngày 01/3/2024 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ lời khai của chị H, anh N và người làm chứng xác định: Trong quá trình chung sống, chị H và anh N bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ khoảng tháng 10/2025, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị không tìm được tiếng nói chung, không hòa hợp được về tính cách, lối sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Vợ chồng không có sự chia sẻ, tôn trọng lẫn nhau khiến cho đời sống chung căng thẳng. Từ tháng 10/2025, anh N về quê tại xã T để sinh sống và làm việc, chị H vẫn tiếp tục sinh sống và làm việc ở Hà Nội, từ đó vợ chồng sống ly thân, không còn liên lạc với nhau. Việc anh chị sống xa nhau trong thời gian dài cũng là lý

do khiến cho tình cảm vợ chồng xa cách, tình trạng hôn nhân không có điều kiện cải thiện, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và không thể hàn gắn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh N trình bày quan điểm anh không còn tình cảm với chị H nhưng không đồng ý ly hôn với chị vì muốn hàn gắn gia đình. Mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng anh N vắng mặt trong các phiên hòa giải, xét xử của Tòa án dù đã được thông báo, triệu tập hợp lệ, cho thấy anh N không có thiện chí trong việc hàn gắn tình cảm, cũng như không mong muốn giải quyết mâu thuẫn để vợ chồng tiếp tục chung sống hòa thuận.

Xét thấy mâu thuẫn hôn nhân của chị H và anh N kéo dài và đến nay đã trầm trọng, vợ chồng không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Phan Thị H ly hôn anh Hoàng Văn Nhất L phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị H và anh N không có con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng. Anh N xác định vợ chồng có tài sản chung và nợ chung, đề nghị Tòa án chia đôi tài sản chung của vợ chồng và trình bày sẽ nộp đơn yêu cầu cùng các tài liệu chứng cứ liên quan đến tài sản cho Tòa án. Tuy nhiên trong suốt quá trình giải quyết, xét xử vụ án, mặc dù Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh N đến Tòa án tham dự các phiên họp hòa giải và phiên tòa xét xử vụ án, anh N vẫn không nộp văn bản thể hiện ý kiến, yêu cầu của mình về việc giải quyết tài sản chung của vợ chồng và các tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của anh. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết về tài sản chung của vợ chồng trong vụ án này. Trường hợp anh N có yêu cầu giải quyết về tài sản chung của vợ chồng thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[3]. Về án phí: Chị Phan Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và

sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phan Thị H ly hôn anh Hoàng Văn N.

2. Về quan hệ con chung, tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

3. Về án phí: Chị Phan Thị H phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân gia đình và được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp, theo biên lai thu ký hiệu BLTU/26E số 0000082 ngày 06 tháng 01 năm 2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Phan Thị H đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị H, anh N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 9 – Hải Phòng;
 - Các đương sự;
 - THADS TP. Hải Phòng;
 - UBND xã T, TP. Hải Phòng
- (ĐK số: 07 ngày 01 tháng 3 năm 2024);
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Vân Anh